

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/DS-PT
Ngày 03/4/2023
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1964, địa chỉ: Ấp Ấp ML, xã MT, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P, địa chỉ: Số ..., ấp CD, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền lập ngày 23/6/2020 (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Bùi Văn C, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp ML, xã MT, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị E, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp ML, xã MT, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Bùi Văn C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11/02/2019, bà N cho vợ chồng ông C và bà E vay số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. Mục đích vay để tiêu dùng trong gia đình, việc vay tiền do ông C viết và đại diện ký tên, đồng thời nhận tiền có mặt bà E, sau khi vay thì ông C, bà E hứa khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác được sẽ trả tiền vay cho bà N, nếu không chuyển nhượng được thì đến tháng 6 năm 2019 (âl) sẽ trả đủ cho bà N. Tuy nhiên, kể từ ngày vay tiền đến nay ông C, bà E không trả nợ vay và tiền lãi cho bà N như đã thỏa thuận. Do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông C và bà E có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền vay là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

- Buộc ông C và bà E trả cho bà N phần tiền lãi tính từ ngày 11-02-2019 đến ngày 24-6-2020, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, số tiền lãi tính được là: 150.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 16 tháng = 39.840.000 đồng.

- Bà N yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 25-6-2020 đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng cho số tiền vay là 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông C có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền vốn vay và tiền lãi chậm trả đối với tiền vốn vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày chậm trả nợ 01-7-2019 (âl) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Văn C trình bày:

Vào năm 2018, bà N có vay của Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Sóc Trăng, ông C không rõ bà N vay của Ngân hàng số tiền bao nhiêu nhưng đến hạn trả là 40.000.000 đồng. Bà N có nhờ ông C vay tiền giùm để trả cho Ngân hàng thì ông C có đi hỏi giùm cho bà N số tiền 100.000.000 đồng, trong đó phần của ông C là 50.000.000 đồng, phần của bà N là 50.000.000 đồng. Một thời gian sau, bà N có gặp ông C, yêu cầu ông viết biên nhận nợ thì ông có viết biên nhận 50.000.000 đồng cho bà N nhưng không có cộng tiền lãi. Sau đó, bà N có đi đánh máy biên nhận khác là 100.000.000 đồng đưa cho ông C ký tên thì ông C có ký tên và ghi thêm nội dung xác nhận có nợ 50.000.000 đồng gốc, còn tiền lãi thì tính sau phía dưới tờ biên nhận. Ông C yêu cầu bà N đưa lại biên nhận cũ nhưng bà N nói rằng để quên ở nhà.

Đối với “Biên nhận, ngày 11-02-2019” chữ viết tay là do ông C viết và ký tên, tuy nhiên số “1” trong số “150.000.000” trên biên nhận không phải là chữ viết của ông C. Đối với “BIÊN NHẬN ngày 12-02-2019” do bà N cung cấp thì nội dung trong biên nhận ông C hoàn toàn không hay biết và cho rằng chữ ký dưới mục người nhận nợ trong biên nhận không phải chữ ký của ông C. Ngoài ra, việc ông C vay tiền của bà N thì vợ của ông C là bà E không biết. Do vậy, ông C thừa nhận còn nợ bà N số tiền gốc là 50.000.000 đồng, ông C đồng ý

trả số tiền gốc 50.000.000 đồng cho bà N và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị E trình bày:

Việc vay tiền giữa ông C với bà N thì bà E không hay biết và ông C cũng không có sử dụng tiền vay của bà N vào sinh hoạt gia đình. Do vậy, bà E không đồng ý liên đới trả số tiền vay với ông C theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim N:

Buộc ông Bùi Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Kim N các khoản bao gồm:

- Tiền vốn vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);*
- Tiền lãi trên nợ gốc chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30-9-2022 là: 47.310.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, ba trăm mười nghìn đồng);*

Tổng cộng là: 197.310.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm mười nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30-9-2022) cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn vay chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.”

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2022, ông Bùi Văn C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn C giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim N yêu cầu ông C trả số tiền vốn là 150.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 01/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 0,83%/tháng. Bà N cung cấp chứng cứ chứng minh là tờ “BIÊN NHẬN” lập ngày 12 tháng 02 năm 2019 âm lịch, có nội dung: “Tôi tên: *Bùi Văn C, cư ngụ ấp Mỹ Lợi B – xã Mỹ Tú – huyện Mỹ Tú – tỉnh Sóc Trăng. Có nợ chế Nguyễn Kim N, là con ba ní là 150.000.000 đ (một trăm năm chục triệu đồng), tôi hẹn bán đất trả chế, nếu bán chưa được, thì tới tháng 06 tôi bán tràm trả dứt điểm ./.*”, cuối tờ biên nhận tại mục người nhận nợ có chữ ký đề tên “BÙI VĂN C”. Tại văn bản Kết luận giám định số 243/KLGĐTL-KTHS ngày 12-7-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sóc Trăng, kết luận: “*Chữ ký mang tên BÙI VĂN C dưới mục “người nhận nợ” trên BIÊN NHẬN ngày 12-02-2019 tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với các chữ ký của Bùi Văn C trên BIÊN BẢN THU THẬP MẪU CHỮ KÝ, CHỮ VIẾT CỦA ĐƯƠNG SỰ ngày 17-3-2022 tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) có các đặc điểm giống nhau cơ bản, đủ điều kiện và yếu tố để kết luận do cùng một người ký ra*”. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc ông C có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán $150.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 38 tháng = 47.310.000$ đồng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2] Ông Bùi Văn C kháng cáo cho rằng: Ông chỉ thừa nhận có vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng theo “Biên nhận” lập ngày 11-02-2019 (do ông C viết giấy tay), còn đối với tờ “BIÊN NHẬN” lập ngày 12-02-2019 là do bà N đánh máy đưa ông ký tên nhưng tại phần cuối tờ biên nhận ông có ghi thêm nội dung “*Tôi nhận thiếu 50 triệu góc còn phần lãi khi nào tôi trả tính sao*”, nhưng tờ biên nhận bà N cung cấp cho Tòa án đã bị cắt bỏ phần nội dung này. Người đại diện của nguyên đơn trình bày lý do vì sao có 02 tờ biên nhận là: Vào ngày 11/02/2019 ông C có viết biên nhận nợ giấy tay cho bà N nhưng vì ghi không đúng số tiền (nợ 150.000.000 đồng nhưng ông C ghi chỉ có 50.000.000 đồng) nên vào ngày hôm sau ngày 12/02/2019 bà N đã đánh máy lại tờ biên nhận mới đưa cho ông C ký xác nhận lại và bản gốc tờ biên nhận này bà N đã nộp cho Tòa án không có việc ông C ghi thêm nội “*Tôi nhận thiếu 50 triệu góc còn phần lãi khi nào tôi trả tính sao*” phía dưới biên nhận, khổ giấy tờ biên nhận ngày 12/02/2019 chõ dịch vụ in cho bà N là như chứng cứ cung cấp không có việc bà N cắt bỏ một phần tờ biên nhận.

[3] Xét thấy, tờ “Biên nhận” lập ngày 11-02-2019 và tờ “BIÊN NHẬN” lập ngày 12-02-2019 có sự khác nhau về số tiền nợ, ông C đều có ký tên xác nhận nợ vào cả hai tờ biên nhận này. Tờ “BIÊN NHẬN” ngày 12-02-2019 là tờ biên nhận được lập sau cùng, nội dung thể hiện ông C còn nợ bà N số tiền nợ 150.000.000, ông C đã ký tên xác nhận thể hiện quyết định sau cùng của ông là thống nhất với số tiền nợ này. Ngoài ra, ông C cũng không cung cấp được tài

liệu, chứng cứ chứng minh được Tờ “BIÊN NHẬN” lập ngày 12-02-2019 phía bà N đã cắt bỏ một phần nội dung theo như ông trình bày nêu trên. Do vậy, việc ông cho rằng chỉ có nợ số tiền 50.000.000 đồng theo tờ “Biên nhận” lập ngày 11-02-2019 là không có cơ sở.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C có cung cấp bổ sung bản phô tô tờ “BIÊN NHẬN” lập ngày 12-02-2019, phía dưới chữ ký Bùi Văn C có ghi thêm nội dung “*Tôi nhận thiếu 50 triệu gốc còn phần lãi khi nào tôi trả tính sao*” (dòng chữ do ông C viết), đồng thời ông yêu cầu cấp phúc thẩm xác minh người làm chứng Nguyễn Thanh Nhân, cư trú tại ấp An Hòa 1, xã Thanh Thới An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng là người biết được sự việc vay tiền giữa ông và bà N. Xét thấy, tài liệu ông C cung cấp chưa đủ cơ sở để xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự “*Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.*”. Qua xác minh, ông Nguyễn Thanh Nhân trình bày “*Tôi có cho bà N vay tiền và hai bên đã thanh toán xong, còn ông C có mượn hay vay tiền của bà N hay không, vay bao nhiêu thì tôi không biết...*”. Qua xem xét tài liệu ông C cung cấp và nội dung xác nhận của người làm chứng không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Bùi Văn C, chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm nội dung tuyên xử về nghĩa vụ chịu lãi suất trong quá trình thi hành án về tiền còn chưa chính xác, cấp phúc thẩm cần phải điều chỉnh lại phần này theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Các nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn C phải chịu án với số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 278, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm 41/2022/DS-ST ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim N đối với ông Bùi Văn C về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”:

Buộc ông Bùi Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Kim N tiền vốn gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến ngày 30/9/2022 (ngày xét xử) là 47.310.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, ba trăm mười nghìn đồng), tổng cộng là 197.310.000 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm mười nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bà Nguyễn Kim N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Văn C phải trả cho bà Bùi Kim Nhanh số tiền 1.980.000 đồng (một triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.746.000 đồng (bốn triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006211 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Bùi Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.865.500 đồng (chín triệu, tám trăm sáu mươi năm nghìn, năm trăm đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn C phải chịu với số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005196 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND huyện Mỹ Tú;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận

